

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thành Luật
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thành Luật

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thành Luật

Mã SV: 1212404029

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 23 tháng 12 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2.1 Doanh thu	3
1.1.2.2 Chi phí	6
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	7
1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	8
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng	9
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	13
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	13
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	16
1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	17
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	18
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	18

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	20
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	20
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	21
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	22
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	24
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	25
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	25
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	26
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT	28
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT.....	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	28
2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty	29
2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát.	30
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán	30
2.1.3.2. Các chế độ và phương pháp kế toán áp dụng.....	31
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT	33
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	33
2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát.....	33
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	33
2.2.1.3 Quy trình hạch toán.....	34
2.2.1.4 Ví dụ minh họa.....	34
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	39
2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát ...	39
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	39

2.2.2.3 Quy trình hạch toán.....	40
2.2.2.4 Ví dụ minh họa.....	40
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	45
2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	45
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	45
2.2.3.3 Quy trình hạch toán.....	45
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	55
2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	55
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	55
2.2.4.3 Quy trình hạch toán.....	55
2.2.4.4 Ví dụ minh họa.....	56
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	62
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	62
2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	62
2.2.6.2 Quy trình hạch toán.....	62
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT	67
3.1 NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN	67
3.2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT	67
3.2.1 Ưu điểm.....	68
3.2.2 Nhược điểm.....	69
3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT	70
3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	70
3.3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát	70
KẾT LUẬN	76

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới sâu sắc, toàn diện của đất nước, của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những bước đổi mới, tiến bộ và góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà. Thêm vào đó kế toán đã khẳng định được vai trò quan trọng và không thể thiếu được trong hệ thống kinh tế tài chính của đơn vị cũng như trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, là công cụ thiết yếu để quản lý nền kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường, sự cạnh tranh đang trở nên quyết liệt hơn. Hạch toán kế toán và những thông tin do hạch toán kế toán cung cấp rất cần thiết cho bất kỳ chủ thể nào nếu muốn điều hành hoạt động của tổ chức mình thành đạt được những mục tiêu dự định. Do vậy nắm bắt thông tin kinh tế nhanh chóng, kịp thời, chính xác là chìa khóa mang đến sự thành công cho mỗi một doanh nghiệp. Để có được điều đó thì bộ máy kế toán của đơn vị phải được tổ chức và hoạt động có hiệu quả.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Ngoài lời mở đầu và kết luận, đề tài khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này. Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào hóa

đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

❖ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng**

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

❖ **Phương thức bán hàng gửi đại lý**

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

❖ **Phương thức hàng đổi hàng**

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hoá bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng...

✓ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:**

– Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

– Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

– Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu của doanh nghiệp đã xác định.

➤ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư phát triển, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

– Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2 Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

➤ **Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh:**

Chi phí quản lý kinh doanh là những khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ **Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao

dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Chi phí khác:**

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế xuất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng} \\ \text{bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần} \\ \text{từ hoạt động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{CCDV} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp, doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm thu;

- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

✚ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

✚ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

+ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

+ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

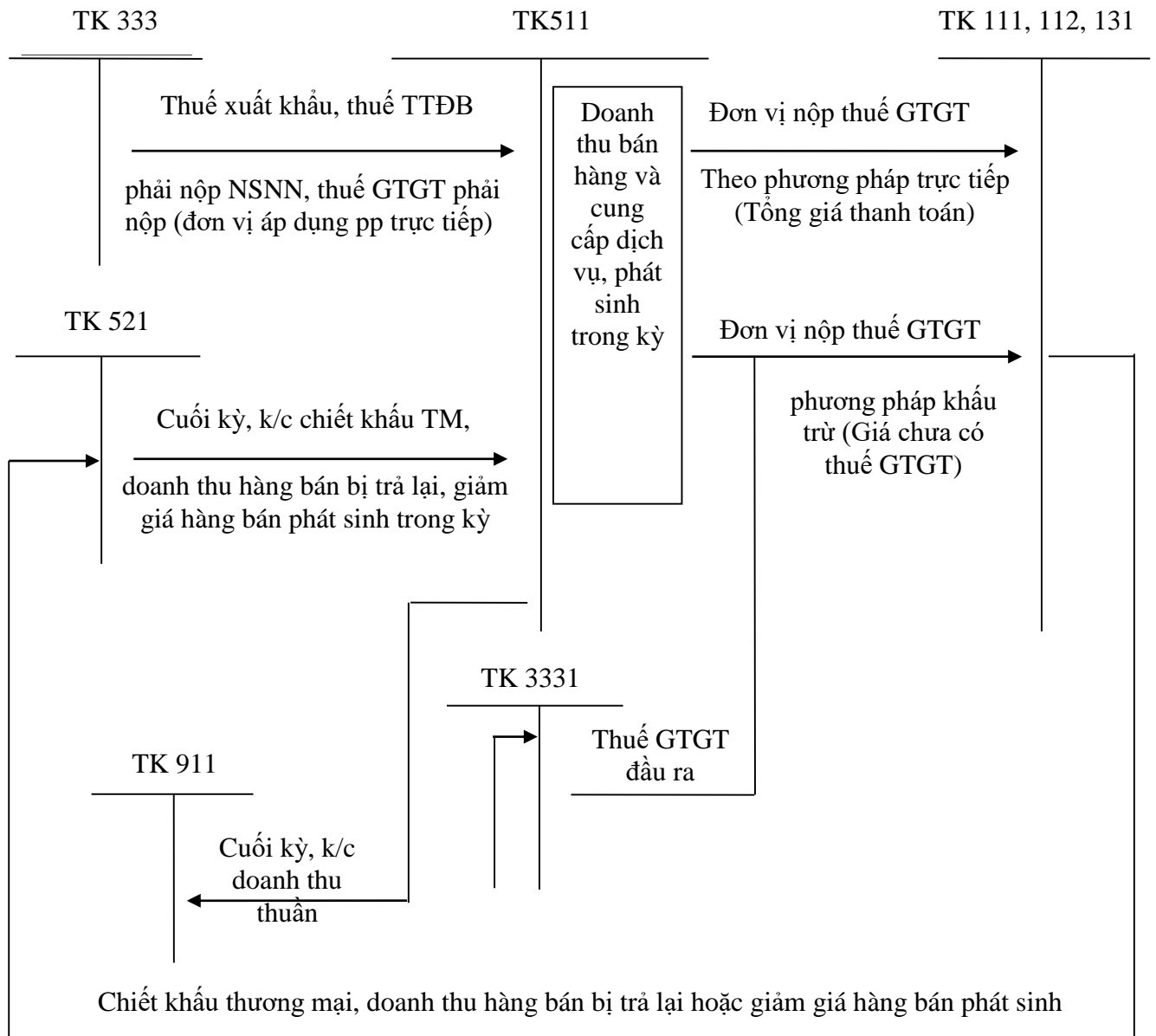
- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

• Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

– Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ,

giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp giá bán lẻ

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán

- Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

- **Phương pháp giá thực tế đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

✚ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✚ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

✚ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

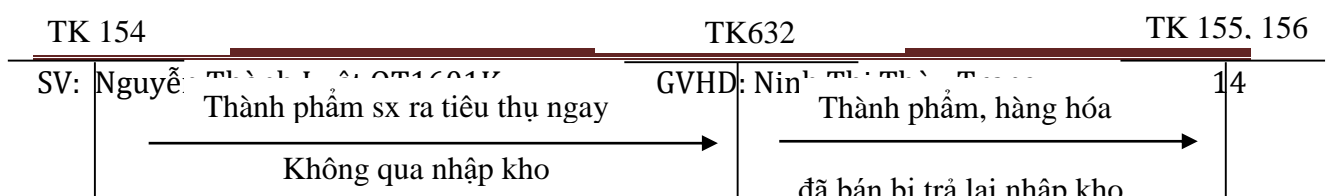
✚ Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

✚ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua sơ đồ 1.2 và 1.3:



Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung, chi phí về bán hàng của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

✚ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✚ Bên Có:

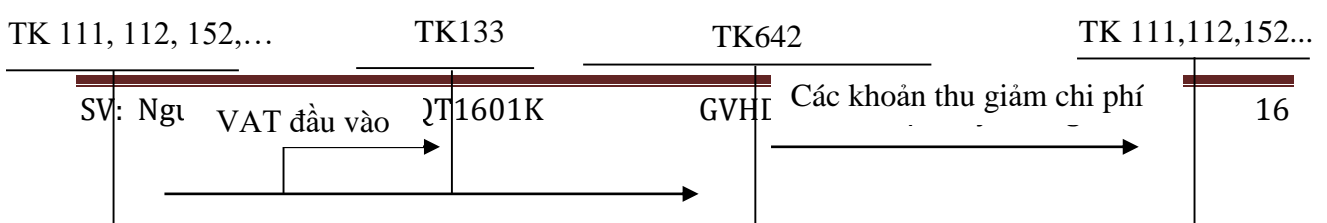
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.4:



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

✚ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

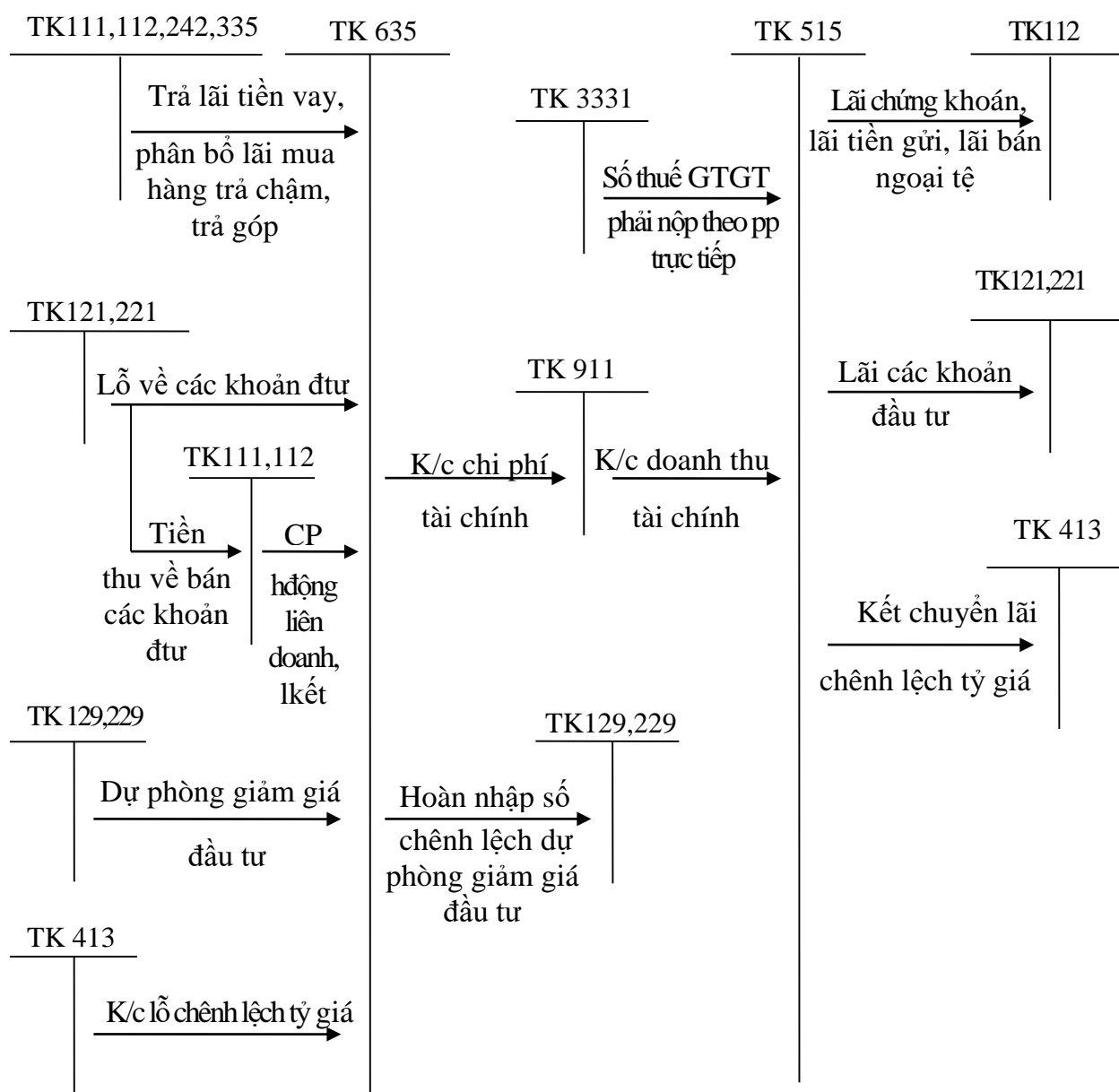
+ Bên Có:

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được khái quát thông qua sơ đồ 1.5:



Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

– Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

– Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

– Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

– Các khoản chi phí khác phát sinh

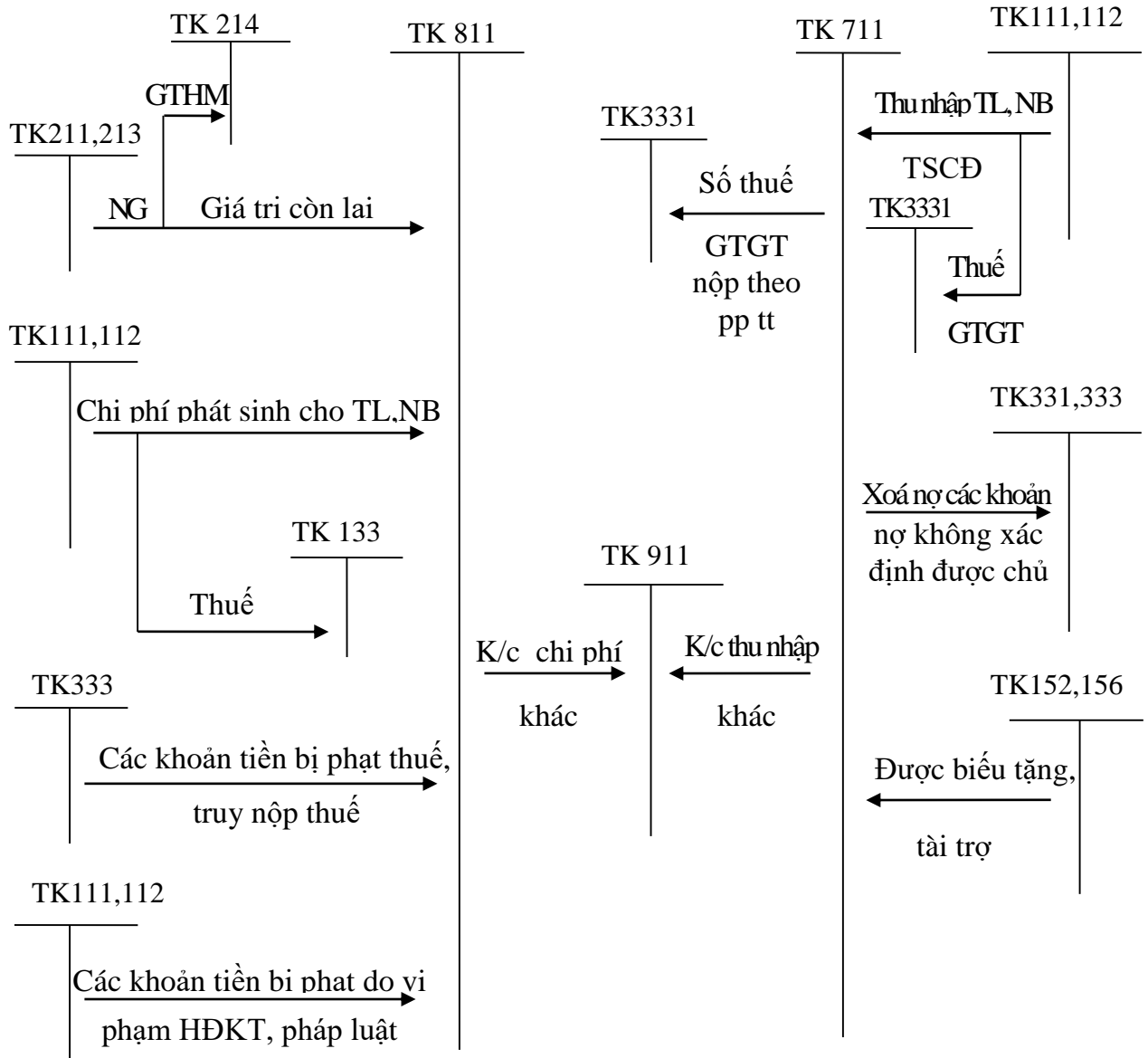
✚ Bên Có:

– Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.6:



Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

+ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

+ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

+ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

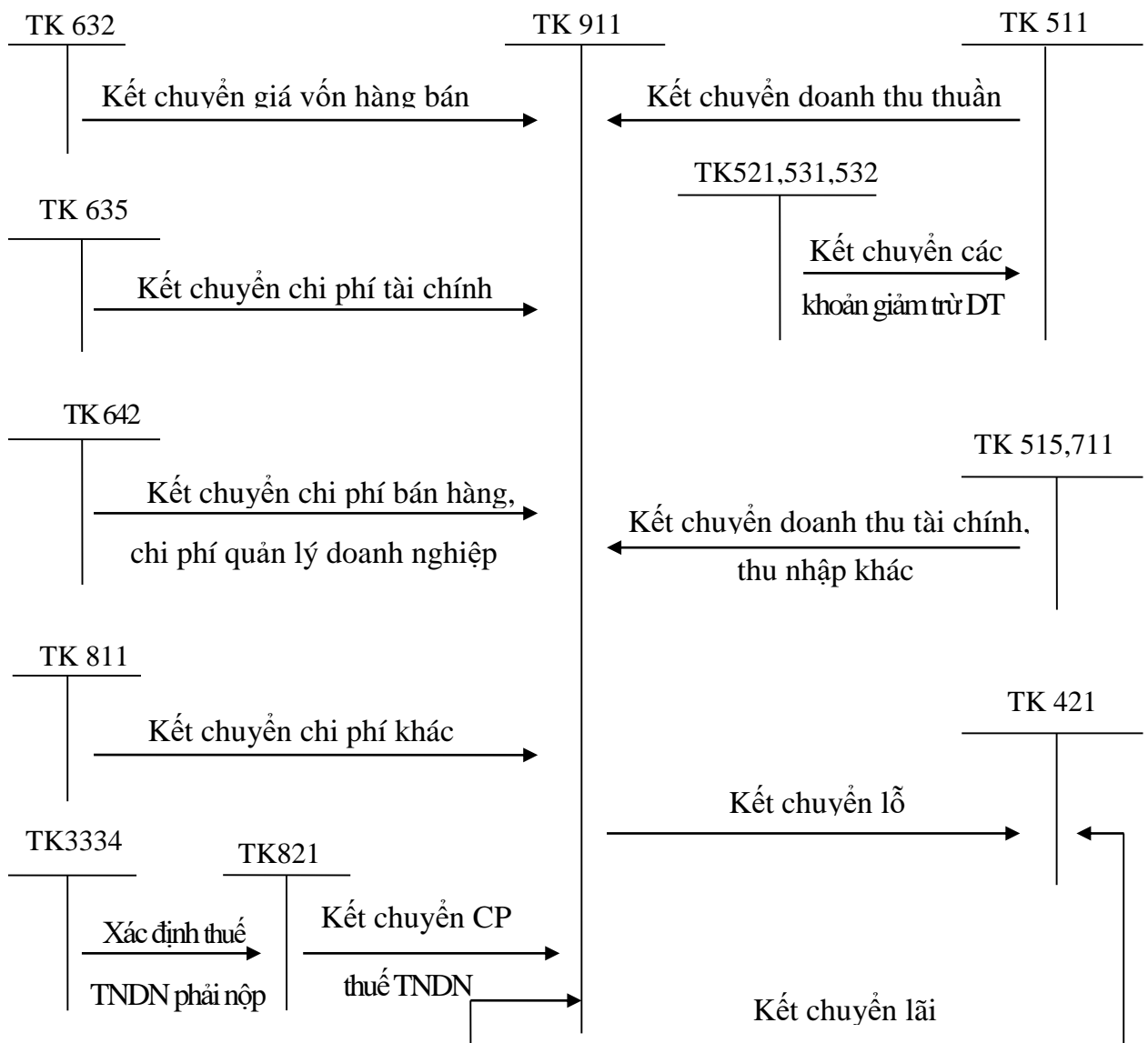
- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7:



Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

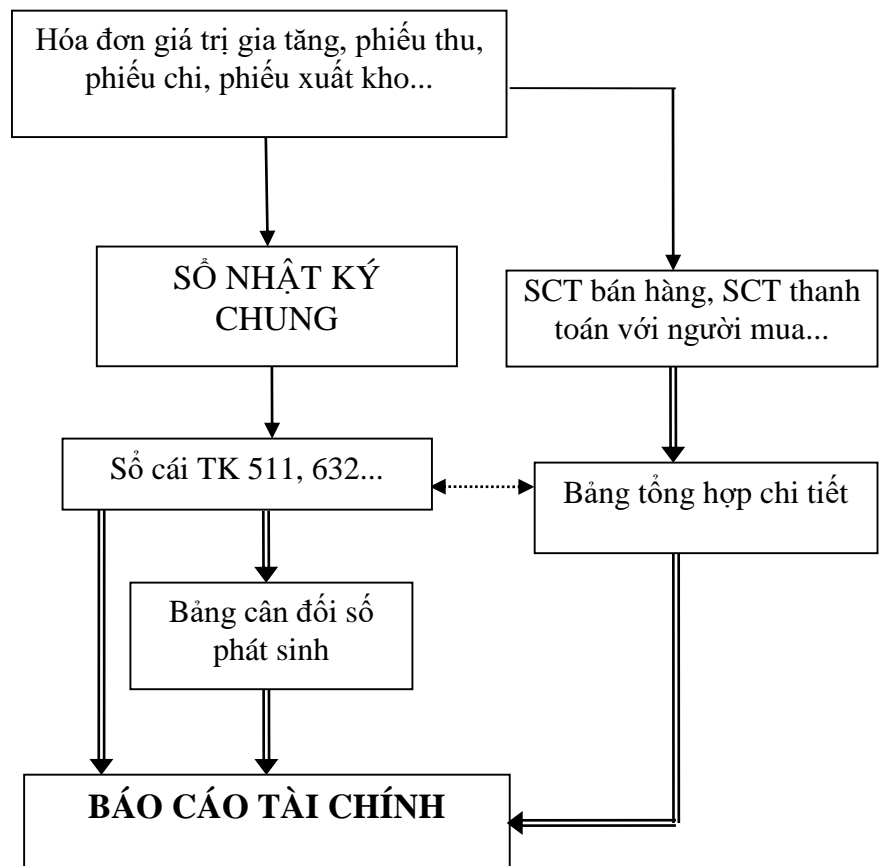
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8



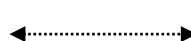
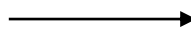
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

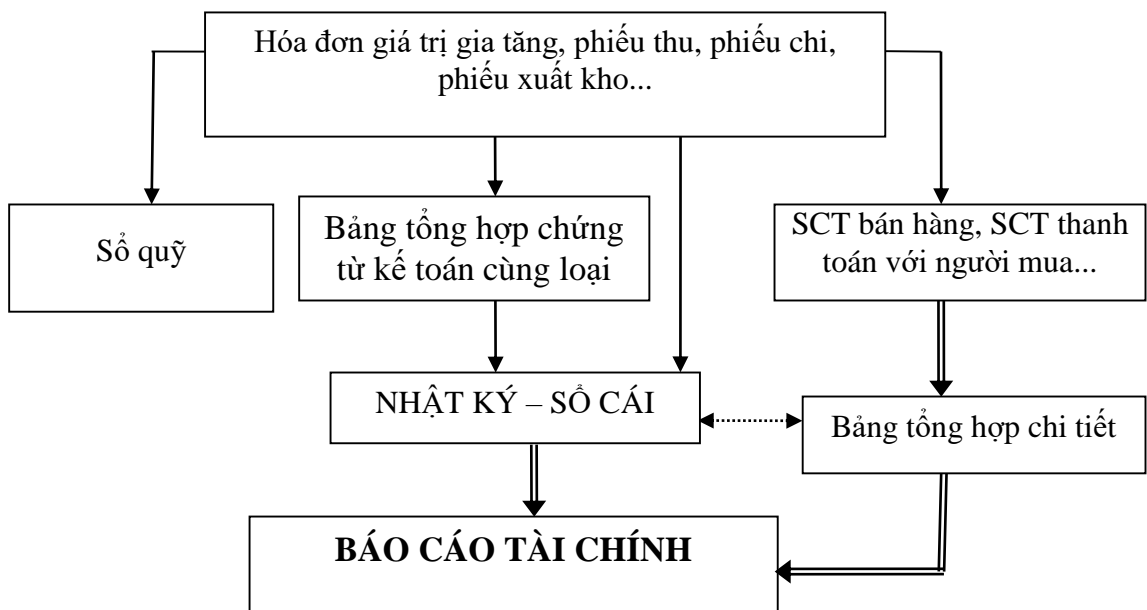
Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra



1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Nhật ký, sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.9



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng ══════════→

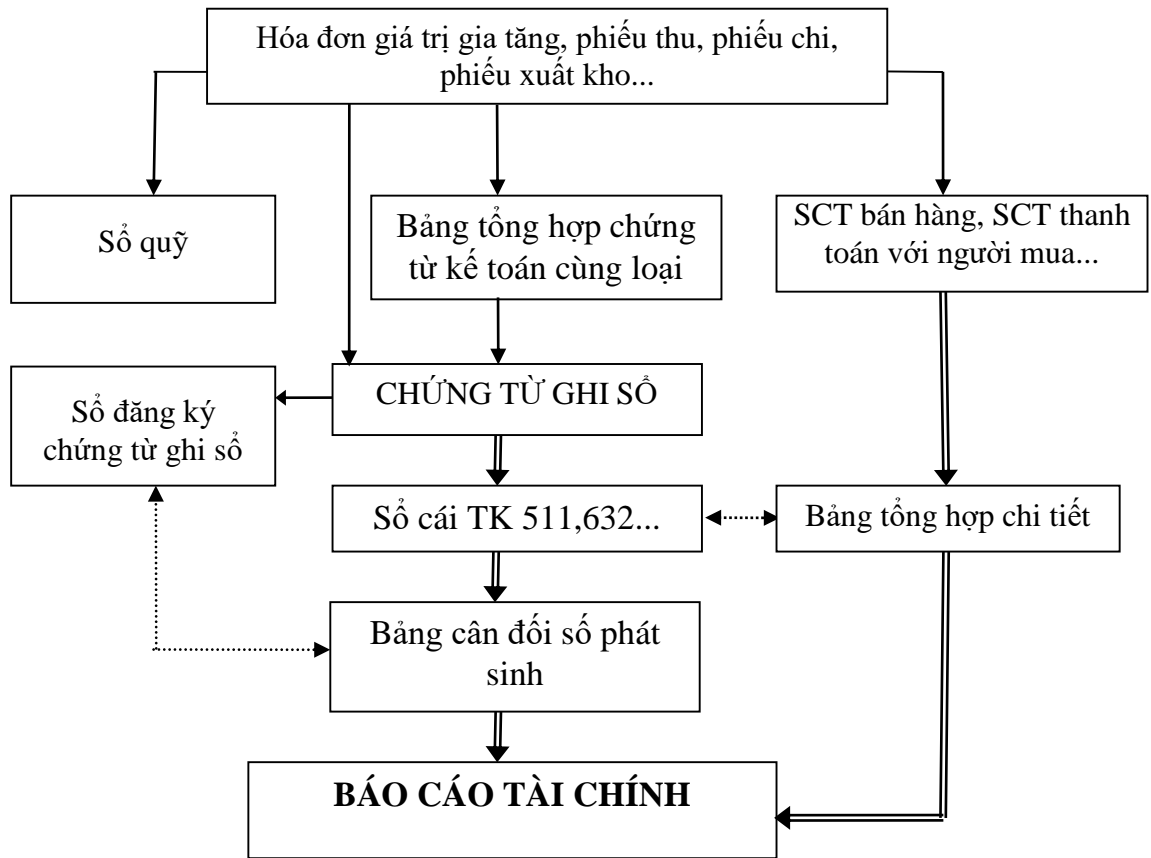
Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.10



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯↔⋯⋯⋯

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát thành lập ngày 14 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng cấp giấy phép hoạt động

Tên doanh nghiệp	: Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Địa chỉ	: Số 104 Nguyễn Bình Khiêm - Đông Hải 1 - Hải An HP
Mã số thuế	: 0201173098
Số tài khoản	: 10922008888089
Mở tại NH	: Techcombank - CN HP - PGD Lê Thánh Tông
Vốn điều lệ	: 2.600.000.000, VNĐ
Người đại diện pháp lý	: Bà Nguyễn Thị Thu
Loại hình doanh nghiệp	: Công ty TNHH có 1 thành viên trở lên
Quy mô	: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

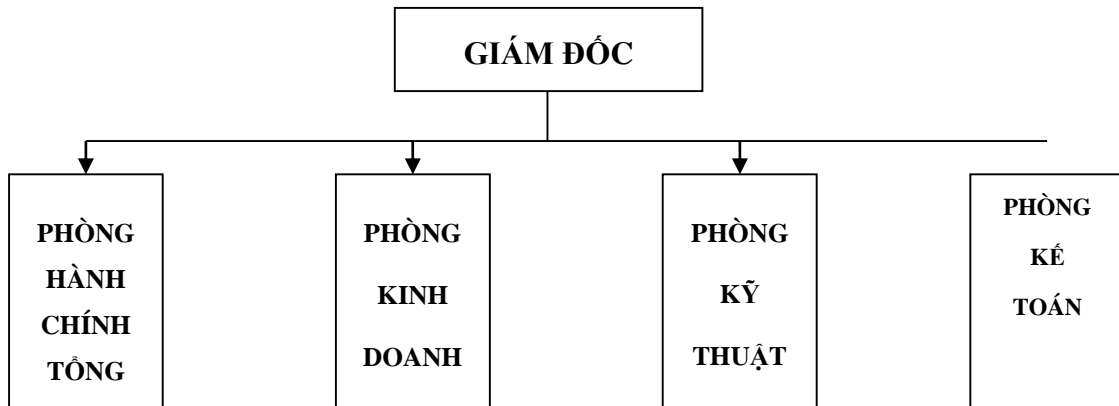
Được thành lập từ năm 2011, từ đó đến nay công ty đã mở rộng quy mô hoạt động, vượt qua những khó khăn ban đầu, cạnh tranh bằng chiến lược kinh doanh hợp lý doanh nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu của các khách hàng (kể cả các khách hàng khó tình).

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát xem trọng việc bảo vệ an toàn cho người lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đội ngũ cán bộ, nhân viên có nhiều kinh nghiệm tâm huyết với nghề; hệ thống trang thiết bị tiên tiến, đồng bộ đang càng khẳng định được uy tín trên thị trường xây dựng, là một địa chỉ tin cậy cho các khách hàng hợp tác trong và ngoài thành phố.

2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Sơ đồ 2.1:

Bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát



+ **Giám đốc:** là người có quyền lực cao nhất trong Công ty. Giám đốc là người phụ trách chung tình hình kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công ty, trong đó đặc biệt là hoạt động của phòng kinh doanh và phòng kế toán tài vụ và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của Công ty trước cơ quan quản lý của Nhà nước.

+ **Phòng kinh doanh:** Bộ phận này làm nhiệm vụ tiếp cận khách hàng và nhà cung cấp, chuẩn bị các hợp đồng kinh tế và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Dựa trên các hợp đồng kinh tế đã ký kết, phòng kinh doanh lập kế hoạch rồi trực tiếp tiến hành nhập hàng hoá và cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc và kết hợp chặt chẽ với các phòng ban khác có liên quan.

+ **Phòng kế toán:** Thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý, tham mưu cho ban giám đốc lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo các quy định.

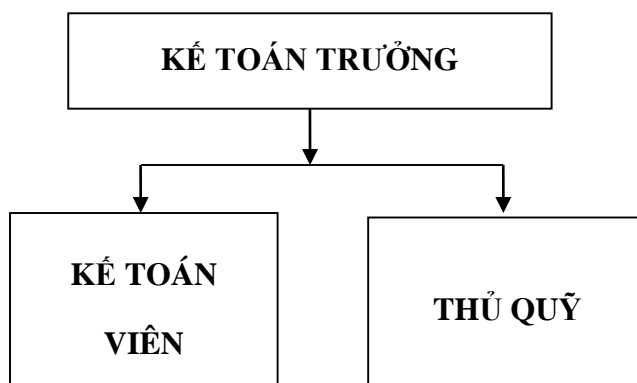
+ **Phòng hành chính tổng hợp:** Bộ phận này có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các mặt công tác tổ chức cán bộ nhân sự, công tác lao động tiền lương, tổ chức các phong trào thi đua, các hoạt động khen thưởng, kỷ luật.

+ **Phòng kỹ thuật:** Quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng; Công tác quản lý Vật tư, thiết bị; Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại các dự án; Công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình. Soát xét trình duyệt hồ sơ hoàn công công trình. Phối hợp với các phòng ban, trực tiếp quản lý các đội thi công, xây dựng công trình, dưới sự chỉ đạo của giám đốc.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát



Với hệ thống mạng lưới kinh doanh và các đơn vị trực thuộc nhiều xong công ty xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ. Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

- **Kế toán trưởng:** là người có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực điều hành bộ máy kế toán của công ty, Có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra các nhân viên kế toán, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh. Kế toán trưởng là người giúp việc đắc lực cho giám đốc trong lĩnh vực TCKT

- **Thủ quỹ:** Theo dõi việc thu chi của công ty, chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt tại công ty có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho công nhân viên đúng hạn. Theo dõi việc giao dịch ngân hàng để đảm bảo việc kinh doanh của doanh nghiệp được liên tục

- **Kế toán viên:** Có trách nhiệm lập bảng thanh toán lương của toàn thể công ty. Là người trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn... theo quy định của nhà nước; Theo dõi tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho nguyên vật liệu của công ty. Hàng ngày ghi nhận lại và tổng hợp cuối ngày về cho kế toán thanh toán theo dõi chi tiết từng khách hàng. Cuối tháng kiểm kê hàng tồn kho; Theo dõi chi tiết cộng nợ của từng đối tượng của khách hàng. Thực hiện việc giao dịch thanh toán với bạn hàng và đối tác của công ty.

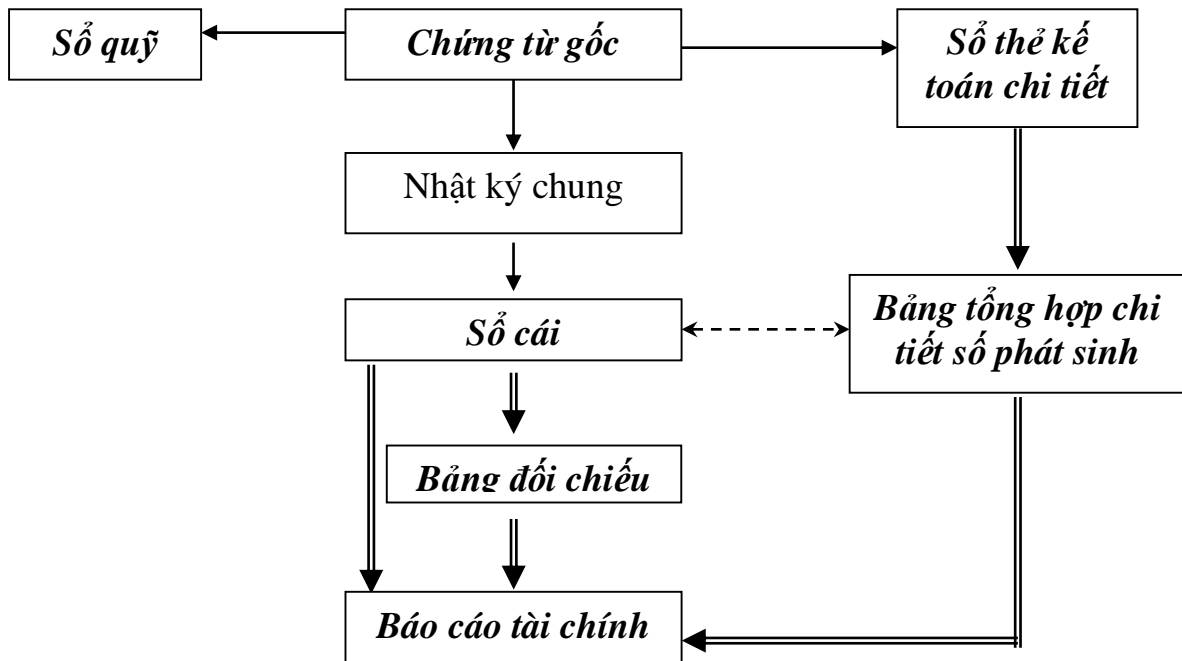
2.1.3.2. Các chế độ và phương pháp kế toán áp dụng

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song
- Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng: Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: theo chuẩn mực số 14
- Hình thức hóa đơn: Hóa đơn đặt in
- Phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán hình thức nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán đơn vị)

Trình tự ghi sổ kế toán:

- Hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào nhật ký chung theo thứ tự thời gian và theo mối quan hệ đối ứng TK kế toán sau đó số liệu trên NKC sẽ được ghi chuyển sang sổ cái các TK

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành khóa sổ cái, tính tổng số phát sinh bên Nợ, Có (cộng sổ), tính số dư cuối kỳ của từng sổ cái (khóa sổ cái) sau đó kế toán lập bảng đối chiếu số phát sinh và cuối cùng lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính kế toán khác của công ty.

- Sau khi chứng từ gốc ghi vào NKC, nếu các chứng từ gốc có liên quan đến các đối tượng kế toán chi tiết, kế toán phải ghi vào các sổ thẻ kế toán chi tiết. Cuối kỳ kế toán tiến hành khóa sổ thẻ kế toán chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết

số phát sinh sau đó đối chiếu kiểm tra với số liệu bảng đối chiếu số phát sinh đảm bảo khớp đúng.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát là công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của Công ty.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Doanh thu chủ yếu của Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát là doanh thu bán các vật liệu xây dựng như thép... cho doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng

+ Nợ TK 632 : 37.002.500

Có TK 156 : 37.002.500

Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ nhật ký chung và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 333.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 01: Hóa đơn GTGT

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 10 tháng 12 năm 2016</p>			<p>Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 000088</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát Mã số thuế: 0201173098 Địa chỉ: Số 104 Nguyễn Bình Khiêm - Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng Số tài khoản: 10922008888089 tại NH Techcombank - CN Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Phạm Đức Trung Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Thanh Mai Mã số thuế: 0200566888 Địa chỉ: Số 424 - Tôn Đức Thắng - An Đồng - An Dương - Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:</p>					
TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
01	Thép góc	Kg	2.400	16.667	40.000.800
Cộng tiền hàng:					40.000.800
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		4.000.080
Tổng cộng tiền thanh toán					44.000.880
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi đồng./.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 02: Trích Nhật ký chung tháng 12/2016

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số TT dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
....					
10/12	HD 0000088	10/12	Doanh thu bán hàng - Công ty CP TM Thanh Mai			131	44.000.880	
			Thuế GTGT đầu ra			511		40.000.800
						331		4.000.080
		
			Cộng				26.420.125.436	26.420.125.436
			Lũy kế từ đầu năm				316.376.311.932	316.376.311.932

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 03: Trích Sổ Cái TK 511

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu BH và CCDV

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng.

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NK Chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
			Số phát sinh trong tháng					
10/12	0000088	10/12	Doanh thu bán hàng - Công ty CP TM Thanh Mai			131		40.000.800
.....
31/12	BTKC	31/12	Kết chuyển			911	3.579.460.007	
			Cộng				3.579.460.007	3.579.460.007
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như vật liệu xây dựng, thép... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

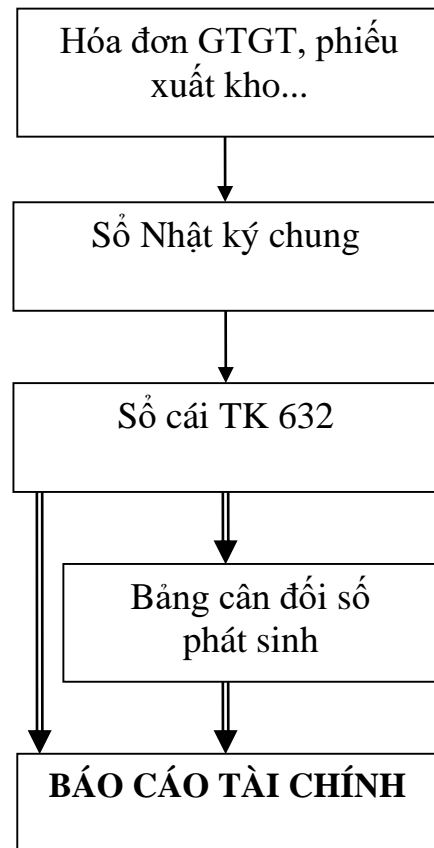
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các TK 156, 632...

- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập bảng cân đối số phát sinh

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2: (minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất thép góc theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 1.005 thép góc, đơn giá: 13.930,35/kg.

Trị giá tồn đầu kỳ = 1,005 x 13.930,35 = 14.000.000

- Ngày 05/12 nhập kho 2.500 kg thép góc , đơn giá 16.015,62/kg

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 2.500 x 16.015,62 = 40.039.050

Đơn giá
bình quân
liên hoàn
ngày 10/12

$$= \frac{1.005 \times 13.930,35 + 2.500 \times 16.015,62}{1.005 + 2.500} = 15.417,7/\text{tấn}$$

- Ngày 10/12 xuất kho 2.400 kg thép góc

Trị giá xuất kho ngày 10/12 = 15.417,7 x 2.400 = 37.002.500

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 04. Cuối tháng, căn cứ vào phiếu xuất kho số 04 kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 632. Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 04: Phiếu xuất kho

Mẫu số: 02/VT

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Quyển số: 02

Nợ TK: 632

Số: 04

Có TK: 156

Họ tên người nhận hàng: Phạm Đức Trung

Địa chỉ: Công ty CP TM Thanh Mai

Lý do xuất kho bán hàng

Xuất tại kho: Hàng hóa

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng			
				Theo chứng từ	Thực Xuất	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép góc		Kg	2.400	2.400	15.417,7	37.002.500
	Cộng						37.002.500

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Ba mươi bảy triệu, không trăm lẻ hai nghìn, năm trăm đồng.*

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 07: Trích Nhật ký chung tháng 12/2016

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số TT dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
....					
10/12	PX04	10/12	Xuất bán - Công ty CP TM Thanh Mai			632	37.002.500	
						156		37.002.500
		
			Cộng				26.420.125.436	26.420.125.436
			Lũy kế từ đầu năm				316.376.311.932	316.376.311.932

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 08: Trích Sổ Cái TK 632

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng.

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NK Chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
			Số phát sinh trong tháng					
10/12	PX04	10/12	Giá vốn hàng bán - Công ty CP TM Thanh Mai			156	37.002.500	
.....
31/12	BTKC	31/12	Kết chuyển			911		2.950.756.142
			Cộng				2.950.756.142	2.950.756.142
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu Chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

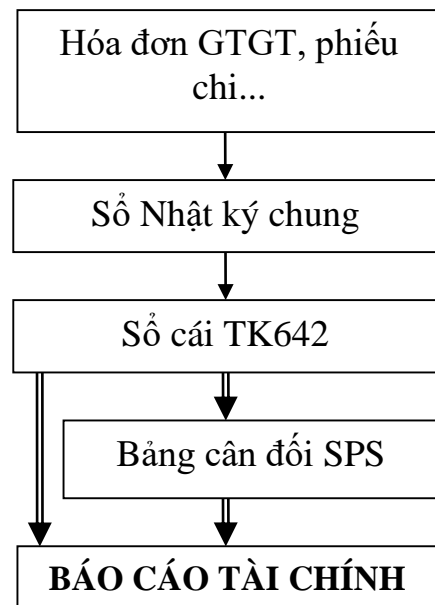
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642

Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Căn cứ vào bảng thanh toán lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 12/2016, kế toán định khoản:

Nợ 642	:	159.572.600
Có 334	:	159.572.600

Biểu số 09: Bảng chấm công

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Bộ phận: Văn Phòng

Bảng chấm công

Tháng 12 năm 2016

Họ và Tên	Ngày trong tháng																												Tổng			
	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN		T2	T3	T4
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		29	30	31
Quan Bách Thông	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	27
Nguyễn Đức Huy	X	X	X	X	X	O	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	26
Khắc Thị Bích Thảo	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	O	O	X	O	X	X	X	X	X	O	X	X	X	25	
Quan Bách Đào	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	O	X	26
Quan Quốc Cường	O	O	O	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	X	X	X	O	X	X	X	24
Trịnh Văn Chiến	X	X	X	X	O	X	O	X	X	X	X	O	X	O	X	X	X	X	O	X	O	X	X	X	X	O	X	O	X	X	X	23
...																																

Người chấm công

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 10: Bảng lương tháng 12/2016

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Séc lờp - Tờ do - Hình phóc

-----***-----

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG LƯƠNG THÁNG 12/2016

STT	Họ và tên	Lương cơ bản	Phụ cấp	Bảo hiểm		Tổng thu nhập	Thực lĩnh	Ký nhận
				Người SDLĐ trả BHXH - YT - TN (22%)	NLĐ đóng BHXH - YT - TN (10.5%)			
1	Quan Bách Thông	4.500.000	450.000	990,000	472.500	4.950.000	4.477.500	
2	Nguyễn Đức Huy	4.300.000	430.000	946,000	451.500	4.730.000	4.278.500	
3	Khắc Thị Bích Thảo	4.200.000	420.000	924,000	441.000	4.620.000	4.179.000	
4	Quan Bách Đào	4.300.000	430.000	946,000	451.500	4.730.000	4.278.500	
5	Quan Quốc Cường	5.500.000	550.000	1,210,000	577.500	6.050.000	5.472.500	
6	Trịnh Văn Chiến	4.500.000	450.000	990,000	472.500	4.950.000	4.477.500	
...	
	Cộng	145.066.000	14.506.600	34.815.840	15.231.930	159.572.600	144.340.670	

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng chẵn.

Kế toán trưởng

Kế toán lương

Giám đốc

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 11: Bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 12/2016

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Séc lập - Từ do - Hình thức

-----***-----

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI THÁNG 12

STT	Họ và tên	Lương cơ bản	Phụ cấp	Cộng	TK 338 – Phải trả phải nộp khác				Céng	Tæng céng
					Kinh phí công đoàn 2%	Bảo hiểm xã hội 26%	Bảo hiểm y tế 4,5%	Bảo hiểm thất nghiệp 2%		
1	TK 642 - Chi phí QLKD	145.066.000	14.506.600	159.572.600	2.901.320	26.111.880	4.351.980	1.450.660	34.815.840	194.388.440
2	TK 334 - Phải trả người lao động					11.605.280	2.175.990	1.450.660	15.231.930	15.231.930
	Céng	145.066.000	14.506.600	159.572.600	2.901.320	37.717.160	6.527.970	2.901.320	50.047.770	209.620.370

KỐ to,n trƯềng

KỐ to,n lƯ-ng

Gi,m @éc

(Nguồn: trích phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 12: Trích Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số :S30a- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ ngày
14/09/2006QĐ- BTC của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 - Năm 2016

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	DG SC	STT dòng	TK DU	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT					Nợ	Có

31/12	BTTL	31/12	Tính lương tháng 12			642	159.572.600	
						334		159.572.600
31/12	BPBTL	31/12	Khoản trích theo lương tính vào chi phí			642	34.815.840	
						338		34.815.840
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản giảm trừ vào lương			334	15.231.930	
						338		15.231.930

			Cộng				26.420.125.436	26.420.125.436
			Lũy kế từ đầu năm				316.420.125.436	316.420.125.436

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 13: Trích Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên TK: Chi phí QLKD

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...					
31/12	BTTL	31/12	Tiền lương nhân viên QLDN			334	159.572.600	
...					
31/12	BPBKH	31/12	Trích KH TSCĐ			214	5.193.980	
..
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển CPQLDN			911		241.954.718
			Cộng phát sinh				241.954.718	241.954.718
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 14: Trích Sổ cái 334

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 Năm 2016

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- SĐĐK			122.530.000
		- Số phát sinh trong kỳ			
	
BL12	31/12	Tính lương phải trả nhân viên T12	642		159.572.600
BPB12	31/12	Các khoản trích theo lương T12/2016	338	15.231.930	
		Cộng phát sinh		137.761.930	159.572.600
		- SDCK			144.340.670

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 15: Trích Sổ cái 338

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 Năm 2016

Tên tài khoản: Phải trả khác

Số hiệu: 338

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- SĐĐK			150.000.000
		- Số phát sinh trong kỳ			
	
BPB12	31/12	Các khoản trích theo lương T12/2016	334		15.231.930
BPB12	31/12	Các khoản trích theo lương T12/2016	642		34.815.840
				
		Cộng phát sinh		50.047.770	50.047.770
		- SDCK			150.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

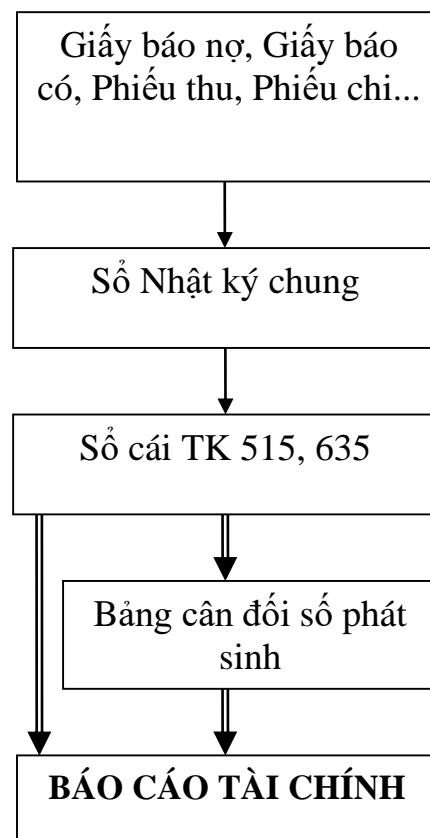
- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, Giấy báo có của ngân hàng, Phiếu chi, phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ngân hàng số tiền 1.685.000VNĐ

Căn cứ vào SPNH và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 1.685.000

Có TK 111: 1.685.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635. Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12 Ngân hàng Techcombank thông báo lãi nhập vốn là 20.860 VNĐ

Căn cứ vào SPNH và các chứng từ kế toán có liên quan khác kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 112: 20.860

Có TK 515: 20.860

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 và kế toán căn cứ vào SPNH vào sổ theo dõi tiền gửi Ngân hàng tại Ngân hàng Techcombank

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

NHTMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM
CN: NSU-TCB LE THANH TONG
MST: 0100230800-004

SỐ PHỤ KIỂM PHIẾU BẢO NỢ/CÓ
(Từ ngày 1/12/2016 đến ngày 31/12/2016)



Tên khách hàng: CTY TNHH QUOC THINH PHAT
Số ID khách hàng: 22008888 - MST: 0201173098
Địa chỉ: SO 104 NGUYEN BINH KHIEM DONG HAI HAI AN HP

Loại tiền: VNĐ
Số tài khoản: 109.22008888.08.9
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Tên tài khoản: VND-TGTT-CTY TNHH QTP

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ghi có vào tài khoản của quý khách số tiền chi tiết như sau:

Ngày giao dịch	Đối tác	NH đối tác	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có	Phí/lãi	Thuế VAT	Số dư	
31/12/16			Trả lãi vay tháng 12/2016	TT1636577022		1,685,000			311,931,249	
31/12/16			Trả lãi số dư trên tài khoản tháng 12/2016	1092008888089-20131231		20,860			311,952,109	
Cộng doanh số						3,066,000,000	3,176,700,837	292,000	29,200	
Số dư cuối kỳ							311,952,109			

Biểu số 16: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 12/2016

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
 THÁNG 12 NĂM 2016**

Ngày tháng ghi số	CT		Diễn giải	Đã ghi vào sổ cái	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			...				
31/12	SPNH	31/12	Chi trả tiền lãi vay tháng 12	x	635	1.685.000	
				x	112		1.685.000
31/12	SPNH	31/12	Trả lãi số dư trên tài khoản	x	112	20.860	
				x	515		20.860
			...				
			Cộng T12			26.420.125.436	26.420.125.436
			Lũy kế từ đầu năm			316.420.125.436	316.420.125.436

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 17: Trích Sổ cái 635

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 Năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- SDĐK			
		- Số phát sinh trong kỳ			
	
SPNH	31/12	Chi trả lãi vay tháng 12/2016	112		1.685.000
BTKC	31/12	Kết chuyển	911	15.042.346	
		Cộng phát sinh		15.042.346	15.042.346
		- SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 18: Trích Sổ cái 515

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 Năm 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- SĐĐK			
		- Số phát sinh trong kỳ			
	
SPNH	31/12	Trả lãi số dư trên tài khoản tháng 12/2016	112	20.860	
BTKC	31/12	Kết chuyển	911		250.320
		Cộng phát sinh		250.320	250.320
		- SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016 Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 19: Trích Sổ nhật ký chung.

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝCHUNG

Tháng 12 năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số thứ tự tờ đồng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	2,950,756,142	
						632		2,950,756,142
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911	15,042,346	
						635		15,042,346
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911	241,954,718	
						642		241,954,718
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			511	3,579,460,007	
						911		3,579,460,007
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515	250,320	
						911		250,320
31/12	K/C	31/12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	81,830,567	
						333.4		81,830,567
31/12	K/C	31/12	K/C chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			911	81,830,567	
						821		81,830,567
31/12	K/C	31/12	Lợi nhuận sau thuế			911	290,126,554	
						421		290,126,554
			Cộng				26.420.125.436	26.420.125.436
			Lũy kế từ đầu năm				316.376.311.932	316.376.311.932

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 20: Trích Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp Số hiệu: 821 Đơn vị tính: đồng.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
31/12	K/C	31/12	Tính thuế TNDN			333.4	81.830.567	
31/12	K/C	31/12	Tính thuế TNDN			911		81.830.567
			Cộng phát sinh				81.830.567	81.830.567
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 21: Trích Sổ cái tài khoản 911

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả HĐKD Số hiệu: 911 Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NK Chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
...
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển DT bán hàng			511	3.579.460.007	
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển giá vốn HB			632		2.950.756.142
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			642		241.954.718
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển DT HĐTC			515	250.320	
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển chi phí thuế			821		81.830.567
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển LNST			421		290.126.554
			Cộng số phát sinh tháng				7.241.251.221	7.241.251.221

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

Biểu số 22: Trích Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
 Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2016

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				249.807.528	
31/12	K/C	31/12	Kết chuyển LNST			911		290.126.544
			Cộng phát sinh					290.126.544
			Số dư cuối kỳ					40.319.016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: trích từ phòng kế toán đơn vị)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

3.1 NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Giai đoạn 2010 - 2020 là giai đoạn củng cố hội nhập, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

Là một doanh nghiệp mới thành lập không lâu nhưng được đầu tư cơ sở kỹ thuật công ty có những biến chuyển tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản hoặc giải thể. Do nhận thức kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục được những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế.

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và đưa ra mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.2.1 Ưu điểm

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả, nguồn cung ứng nguyên vật liệu và xu hướng tiêu thụ hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Thực hiện nghiêm túc các chính sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng xác định được kết quả kinh doanh vào nhiều thời điểm trong năm tài chính.

Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan quản lý, ngân hàng ... cũng có thể nắm bắt được các thông tin về Công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát hay có thể bảo vệ quyền lợi của họ.

Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được

phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hoá công việc.

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách chính xác nhất cho ban lãnh đạo của Công ty.

Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3.2.2 Nhược điểm

Công ty cần phải có nhiều chế độ ưu đãi cho nhân viên ở mọi bộ phận của công ty nhiều hơn nữa vì chính họ là người có công rất lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp và vì một điều quan trọng là họ đã làm việc và cống hiến hết mình vì Công ty.

Ngoài ra công ty cần phải hiện đại hóa thêm một số khâu trong quá trình làm sổ sách cũng như trong quá trình quản lý nguyên vật liệu. Vì cho dù con người có năng lực cao đến mấy nhưng sức khỏe thì có giới hạn. Chính vì vậy mà các nhân viên kho rất khó có thể kiểm soát được hết, nên Công ty cần phải bổ sung thêm nhân sự và nâng cao hiện đại hóa trong các khâu để có thể kiểm soát tốt hơn và cũng tránh những trường hợp xảy ra việc thất lạc các chứng từ liên quan trong quá trình luân chuyển từ bộ phận này sang bộ phận khác.

3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUỐC THỊNH PHÁT

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất, đó là dữ liệu có ích được tổ chức theo một cách để từ đó có thể đưa ra được những đúng đắn. Nó làm cơ sở cho các quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp công ty trong mục đích kinh doanh. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát là rất quan trọng.

3.3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát

Dựa trên những nhược điểm đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một ý kiến như sau :

Tại Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy, công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép góc

Tháng 12 năm 2016

Quyển số: 02

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
10/12	0000088	10/12	Bán cho Công ty CP TM Thanh Mai	131	2.400	16.667	40.000.800		
.....		
			Cộng số phát sinh		3.267		53.268.056		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập Sổ chi phí giá vốn hàng bán.

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát
Đông Hải 1 - Hải An - Hải Phòng

Mẫu số: S38-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm: Thép góc

Tháng 12 năm 2016

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
..	
10/12	PX04	10/12	Xuất bán - Công ty CP TM Thanh Mai	156	2.400	15.417,7	37.002.500	
.....	
			Cộng SPS					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bên cạnh đó cần thúc đẩy Các biện pháp nhằm tăng doanh thu của doanh nghiệp. Có rất nhiều biện pháp làm tăng doanh thu của doanh nghiệp tùy thuộc vào đặc điểm và lĩnh vực kinh doanh của từng doanh nghiệp mà lựa chọn những biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Song yêu cầu của việc sử dụng các biện pháp làm tăng doanh thu đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện sao cho có sự kết hợp giữa các biện pháp để đạt được hiệu quả tổng hợp.

Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng mặt hàng, từ đó biết được mặt hàng nào có lãi để đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Công thức phân bổ chi phí kinh doanh:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh của từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu các loại sản phẩm}} \times \text{Doanh thu của từng loại sản phẩm}$$

Đến nay, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. Áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

Một số phần mềm kế toán tiêu biểu hiện nay: MISA SME.NET 2017, LINKQ ACCOUNTING, FAST ACCOUNTING, 3S ACCOUNTING...

Khi ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán trong Công ty theo hình thức sổ Nhật ký chung mà công ty đã lựa chọn, thì trình tự hạch toán được khái quát như sau:

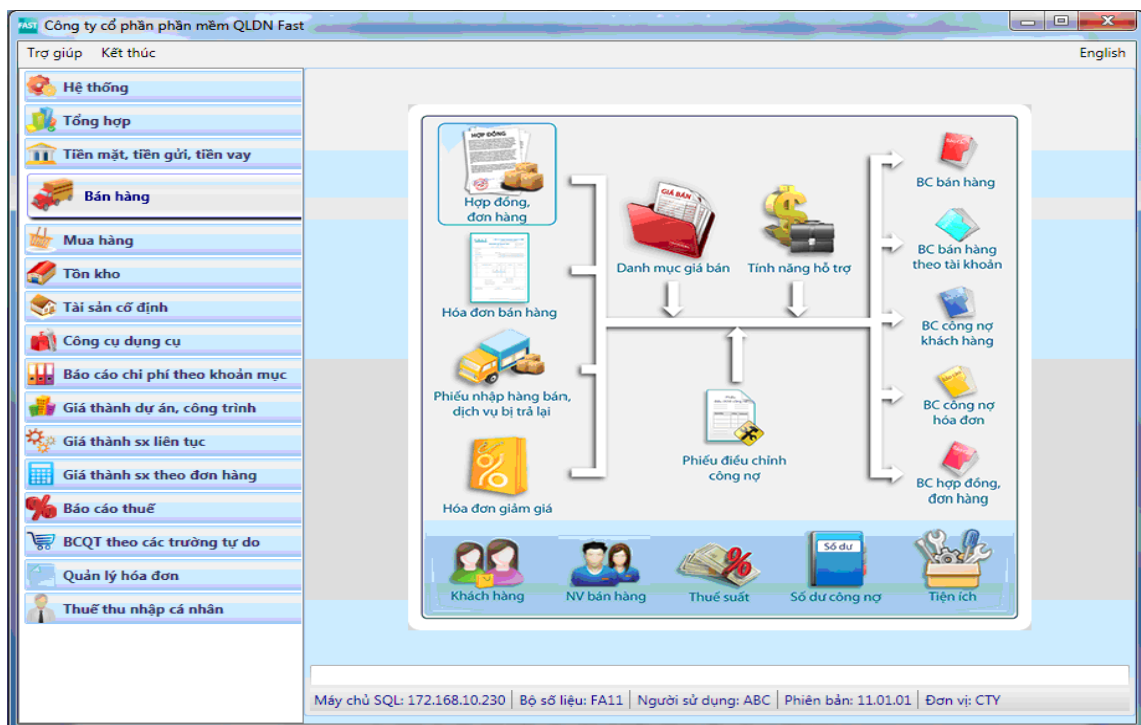
+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, nhân viên kế toán tiến hành phân loại, kiểm tra và mã hoá các thông tin kế toán bao gồm: mã hoá chứng từ, mã hoá tài khoản và mã hoá các đối tượng kế toán. Các chứng từ đã được mã hoá sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu theo phần mềm sử dụng tại doanh nghiệp.

+ Khi cơ sở dữ liệu đã có đầy đủ thông tin, máy tính có thể tự động truy xuất số liệu theo chương trình phần mềm kế toán cài đặt để vào sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết theo từng đối tượng đã được mã hoá và số liệu trên các báo cáo đến thời điểm nhập dữ liệu.

+ Cuối quý, kế toán tiến hành lập bảng cân đối thử và các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh, khoá sổ kế toán. Sau đó in bảng biểu, sổ kế toán tổng hợp, chi tiết và các báo cáo cần thiết.



Phần mềm kế toán MISA



Phần mềm kế toán FAST



Phần mềm kế toán LinkQ

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch và các chính sách marketing, đẩy mạnh nghiên cứu khai thác thị trường tìm hiểu nhu cầu của khách hàng.
- Tổ chức tốt quá trình kinh doanh sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của công ty.
- Lựa chọn cơ cấu mặt hàng kinh doanh hợp lý
- Tổ chức và lựa chọn phương thức bán phù hợp , phương thức thanh toán thuận tiện, thực hiện nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Sau thời gian được thực tập và tham gia vào công tác kế toán của Công ty TNHH Quốc Thịnh Phát, em đã tiếp thu được rất nhiều ý kiến thực tế và chuyên ngành kế toán theo học. Bên cạnh đó cũng đã áp dụng và so sánh được giữa những lý thuyết được học trong nhà trường cùng thực hiện làm việc trong Công ty. Từ đó có thể thấy ngoài những kiến thức đã học trong trường lớp còn phải cố gắng học hỏi thêm thật nhiều từ thực tế những người đi trước.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty có một số ưu điểm và hạn chế sau:

* Ưu điểm:

- Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất của Công ty và đúng với chế độ kế toán hiện hành.
- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác và đầy đủ.
- Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được Công ty quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý.

* Hạn chế:

- Công ty chỉ lập bảng kê doanh thu chung cho các đại lý sau đó chỉ xuất ra một hoá đơn dẫn đến khó khăn trong việc tổng kết doanh thu bán hàng
- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho các tài khoản 511, 632.
- Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh
- Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại
- Kế toán không áp dụng phần mềm kế toán.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kế toán của Công ty Quốc Thịnh Phát.

Công ty nên tạo bảng kê doanh thu bán hàng riêng cho các đại lý để dễ dàng xác định doanh thu bán hàng của các đại lý.

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho các tài khoản 511, 632

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 632

Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho các khách hàng một cách phù hợp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán.

Trên đây là những gì em đã được tìm hiểu và học hỏi thêm từ các anh chị phòng kế toán Công ty. Em đã trình bày trong khóa luận một cách đầy đủ nhất. Tuy nhiên do kinh nghiệm thực tế còn rất nhiều thiếu sót cùng năng lực thực tế của em còn hạn chế nên trong khoá luận này không tránh khỏi những thiếu sót, mong thầy cô và nhà trường góp ý sửa chữa và đóng góp thêm cho bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khoá luận này, em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Ninh Thị Thùy Trang đã tận tình hướng dẫn em cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị cô bác phòng kế toán trong Công ty Quốc Thịnh Phát đã tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện
Nguyễn Thành Luật